SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ (LẦN 2)

(Đính kèm theo Thông báo số 141/TB-BVLVT ngày 15/7/2025)

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng
LÔ 1 - HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM SINH HÓA					
1.1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng glucose	Định lượng nồng độ glucose trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu - Thành phần: Thuốc thử A: Chất đệmTris buffer (pH 7.8)' ATP' NAD; Mg2+, NaN3 (hoặc tương đương) Thuốc thử B: Enzyme Mg2+, Hexokinase, G-6-P-DH, NaN3 (hoặc tương đương)	Hộp	Thuốc thử A: 8 x 16 ml Thuốc thử B: 8 x 4 ml	6
1.2	Thuốc thử xét nghiệm định lượng cholesterol	Định định lượng nồng độ cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người - Thành phần: Dung dịch đệm pH 6.7 hãng Good; Phenol; 4-aminoantipyrine (4AAP); Cholesterol Esterase (CHE); Cholesterol Oxidase (CHO); Peroxidase (POD) (từ cải ngựa); NaN3 (hoặc tương đương)	Hộp	Reagent 12 x 20 ml	3
1.3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng triglycerides	Định định lượng nồng độ triglycerides trong huyết thanh và huyết tương người - Thành phần: Đệm hãng Good, pH 7,2; 4-Chlorophenol; ATP; Mg2+; Glycerokinase (GK); Peroxidase (POD); Lipoprotein lipase (LPL); 4-Aminoantipyrine; Glycerol-3-phosphateoxidase (GPO); NaN3; (hoặc tương đương)	Hộp	Reagent: 12 x 20 ml	3
1.4	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HDL-cholesterol	Định định lượng nồng độ HDL-cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người - Thành phần: Thuốc thử A: Đệm TAPSO ,pH 7,77; Polyanion; EMSE; Ascorbate oxidase (cucurbita); Peroxidase (từ cỏ ngựa); BSA; (hoặc tương đương) Thuốc thử B: Đệm Bis-Tris, pH 6.70; Cholesterol esterase; Cholesterol oxidase (Tái tổ hợp từ E. coli); Cholesterol oxidase (Nguồn vi sinh vật); Peroxidase (từ cỏ ngựa); 4-amino-antipyrine; BSA; (hoặc tương đương)	Hộp	Thuốc thử A: 8 x 18 ml Thuốc thử B: 8 x 6 ml	4
1.5	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ALT/GPT	Định định lượng hoạt độ alanine aminotransferase (ALT)trong huyết thanh và huyết tương người - Thành phần: Thuốc thử A: Thuốc thử enzyme Chất đệm Tris, pH 7,15; L-Alanine; LDH; NaN3 (hoặc tương đương) Thuốc thử B: Cơ chất 2-oxoglutarate; NADH; NaN3 (hoặc tương đương)	Hộp	Thuốc thử A: 8 x 16 ml Thuốc thử B: 8 x 4 ml	4
1.6	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AST/GOT	Định lượng hoạt độ aspartate aminotransferase (AST) trong huyết thanh và huyết tương người - Thành phần: Thuốc thử A: Thuốc thử enzyme Chất đệm Tris, pH 7,8; L-Aspartate; LDH; MDH; NaN3 (hoặc tương đương) Thuốc thử B: Cơ chất 2-Oxoglutarate; NADH; NaN3 (hoặc tương đương)	Hộp	Thuốc thử A: 8 x 16 ml Thuốc thử B: 8 x 4 ml	4

1.7	Thuốc thử xét nghiệm định lượng gamma-GT	Định lượng hoạt độ Gamma-GT trong huyết thanh và huyết tương người - Thành phần: Thuốc thử A: Glycylglycine; NaN3; Chất đệm Tris, pH 8,3 (hoặc tương đương) Thuốc thử B: L-γ-glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide; NaN3 (hoặc tương đương)	Hộp	Thuốc thử A: 15 x 4 ml Thuốc thử B: 1 x 16 ml	6
1.8	Thuốc thử xét nghiệm định lượng creatinine	Định định lượng bằng enzym nồng độ creatinine trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người - Thành phần: Thuốc thử A: TAPS buffer, pH 8.1; Creatinase (nguồn vi sinh vật); Sarcosine oxidase; Ascorbate oxidase ; HTIB; (hoặc tương đương) Thuốc thử B: TAPS buffer, pH 8.0; Creatininase; Peroxidase; 4-aminophenazone; Potassium hexacyanoferrate (II); (hoặc tương đương)	Hộp	Thuốc thử A: 4 x 20 ml Thuốc thử B: 4 x 10 ml	5
1.9	Thuốc thử xét nghiệm định lượng urea	Định lượng nồng độ urea trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người - Thành phần: Thuốc thử A: TRIS, pH 7.8; 2-Oxoglutarate; ADP; Urease; GLDH; NaN3 Thuốc thử B: NADH; NaN3 - Phạm vi đo: Với mẫu Huyết thanh/huyết tương: 1.0 - 75.0 mmol/l (6 - 450 mg/dl) Với mẫu nước tiểu: 4.0 - 2525 mmol/l (24 – 15150 mg/dl)	Hộp	Thuốc thử A: 10 x 20 ml Thuốc thử B: 10 x 5 ml	3
1.10	Thuốc thử xét nghiệm định lượng axit uric	Định định lượng nồng độ axit uric trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người - Thành phần: Thuốc thử A: Đệm Phosphate, pH 7,0; TOOS; Ascorbate oxidase (AOX); Natri azide (hoặc tương đương) Thuốc thử B: Đệm Phosphate, pH 7,0 ; 4 - Aminoantipyrine; K4[Fe(CN)6]; Peroxidase; Uricase; Natri azide. (hoặc tương đương)	Hộp	Thuốc thử A: 8 x 16 ml Thuốc thử B: 8 x 4 ml	4
1.11	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HbA1c	Định định lượng nồng độ tương đối của hemoglobin A1c (HbA1c) trong máu người đã được ly giải - Thành phần: Thuốc thử A: Đệm/Kháng thể gồm Đệm MES; Đệm Tris, pH 6,2; Kháng thể kháng HbA1c (từ cừu); (hoặc tương đương) Thuốc thử B: Đệm/Polyhapten gồm Đệm MES; Đệm Tris , pH 6,2; Phức HbA1c-polyhapten; (hoặc tương đương) Thuốc thử C: Thuốc thử Hemoglobin gồm Đệm Phosphate, pH 7,4; (hoặc tương đương)	Hộp	Thuốc thử A: 2 x 14 ml Thuốc thử B: 2 x 3.1 ml Thuốc thử C: 2 x 14 ml	5
1.12	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 34 thông số sinh hóa	Dùng để giám sát độ đúng và độ chụm của các xét nghiệm chẩn đoán in vitro trong xét nghiệm các chất phân tích hóa học lâm sàng trong mẫu từ người	Hộp	10 x 5mL	2
1.13	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 40 thông số sinh hóa	Dùng để giám sát độ đúng và độ chụm của các xét nghiệm chẩn đoán in vitro nhằm xác định các chất phân tích hóa học lâm sàng trong mẫu từ người	Hộp	10 x 5mL	2

1.14	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng lipid và apolipoprotein	Được sử dụng để giám sát độ đúng và độ chụm của các xét nghiệm chẩn đoán in vitro nhằm xác định nồng độ lipid và apolipoprotein trong các mẫu từ người	Hộp	5 x 3 ml	2
1.15	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng HDL-cholesterol và LDL-cholesterol	Được sử dụng để giám sát độ đúng và độ chụm của các xét nghiệm chẩn đoán in vitro nhằm xác định nồng độ HDLCholesterol và LDL-Cholesterol trong các mẫu từ người	Hộp	5 x 3 ml	2
1.16	Vật liệu kiểm soát mức bình thường xét nghiệm định lượng HbA1c	Được sử dụng để kiểm soát độ chụm của các xét nghiệm chẩn đoán in vitro nhằm xác định hemoglobin A1c (HbA1c) và hemoglobin (Hb) trong mẫu từ người	Hộp	5 x 1 ml	2
1.17	Vật liệu kiểm soát mức bất thường xét nghiệm định lượng HbA1c	Được sử dụng để kiểm soát độ chụm của các xét nghiệm chẩn đoán in vitro nhằm xác định hemoglobin A1c (HbA1c) và hemoglobin (Hb) trong mẫu từ người	Hộp	5 x 1 ml	2
1.18	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng 15 thông số sinh hóa	Dùng để hiệu chuẩn các xét nghiệm chẩn đoán in vitro nhằm xác định các chất phân tích hóa học lâm sàng trong các mẫu từ người	Hộp	10 x 3 ml	3
1.19	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng 10 thông số sinh hóa	Dùng để hiệu chuẩn các xét nghiệm chẩn đoán in vitro nhằm xác định các chất phân tích hóa học lâm sàng trong các mẫu từ người	Hộp	5 x 3 ml	3
1.20	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HbA1c	HbA1c Calibrator được sử dụng như một chất hiệu chuẩn gốc của các xét nghiệm chẩn đoán in vitro nhằm xác định hemoglobin A1c (HbA1c) và hemoglobin (Hb) trong mẫu từ người	Hộp	3 x 2 ml	2
1.21	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HDL-cholesterol và LDL-cholesterol	HDL/LDL Calibrator được sử dụng để hiệu chuẩn cho các xét nghiệm chẩn đoán in vitro nhằm xác định nồng độ HDLCholesterol và LDL- Cholesterol trong mẫu từ người	Hộp	5 x 1 ml	2
1.22	Cuvet dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Được sử dụng một lần cho xét nghiệm chẩn đoán in vitro; Thành phần: Acryl	Hộp	10800 wells (tests)/ Hộp	4
1.23	Cốc chứa mẫu dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa để kiểm chuẩn và hiệu chuẩn máy	Chất liệu: Polystyrene PS	Túi	1000 chiếc/túi	2
1.24	Cốc chứa mẫu dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa để hỗ trợ máy chuyển chế độ hằng ngày	Chất liệu: Polystyrene PS	Túi	1000 chiếc/túi	2
1.25	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa để bảo trì máy hàng ngày, hàng tháng	Thành phần: Sodium hypochlorite, Sodium hydroxide	Hộp	6 x 100 ml	3
1.26	Dung dịch bảo trì đường ống dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Sử dụng trong quá trình bảo trì hàng tháng. Thành phần: Chất tẩy rửa <0,2%; Procilin 0.00015 - < 0.0015 %	Hộp	6 x 20 ml	2
1.27	Dung dịch rửa kim	Thành phần: Hydrochloric acid; Mixture, 3(2H)-isothiazolone, 5-chloro-2-methyl- with 2-methyl-3(2H)-isothiazolone	Hộp	8 x 20 ml	2

1.28	Hóa chất tiền xử lý chất lỏng cho xét nghiệm định lượng HbA1c	Được sử dụng để ly giải máu toàn phần cho các xét nghiệm chẩn đoán in vitro nhằm xác định hemoglobin A1c (HbA1c) trong mẫu máu người, cũng như là một chất hiệu chuẩn 0 và để pha loãng tự động HbA1c Calibrator. - Thành phần: Tetradecyl trimethyl ammonium bromide (TTAB)	Hộp	12x20mL	2
LÔ 2 - HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM ĐỊNH DANH VÀ KHÁNG SINH ĐỒ (TB2)					
2.1	Dung dịch nước muối NaCl 0.45%	Dung dịch nước muối NaCl 0.45% được sử dụng ở công đoạn chuẩn bị thủ công huyền dịch vi sinh vật, trước khi tiến hành định danh và thử nghiệm tính nhạy cảm kháng sinh. Bảo quản: nhiệt độ phòng. Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Chai	Hộp/20 chai x 500ml	100
2.2	Ống nhựa plastic để pha loãng mẫu xét nghiệm	Ống nhựa plastic để pha loãng mẫu xét nghiệm và chuyển vào hệ thống định danh kháng sinh đồ. Kích thước: 12x75mm, đáy tròn, không màu. Bảo quản: nhiệt độ phòng. Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Hộp		4
2.3	Thẻ định danh vi khuẩn Neisseria/Haemophilus và các vi khuẩn khó mọc	-Thẻ định danh dùng để định danh vi khuẩn Neisseria/Haemophilus và các vi khuẩn khó mọc khác trên hệ thống máy định danh và kháng sinh đồ tự động '- Tiêu chuẩn chất lượng: CE, FDA	Test	Hộp 20 test	1.000
2.4	Thẻ định danh vi khuẩn kị khí và Corynebacteria	Thẻ định danh vi khuẩn kị khí và Corynebacteria dùng để định danh tự động của hầu hết các vi khuẩn kỵ khí và Corynebacterium. '- Tiêu chuẩn chất lượng: CE, FDA	Test	Hộp 20 test	1.000
2.5	Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm	Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm được sử dụng trên hệ thống để định danh tự động các trực khuẩn Gram âm lên men và không lên men Tiêu chuẩn chất lượng: CE, FDA	Test	Hộp 20 test	2.000
2.6	Thẻ kháng sinh đồ Gram âm	Thẻ kháng sinh đồ Gram âm là một xét nghiệm in vitro để xác định tính nhạy cảm của trực khuẩn Gram âm hiếu khí Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Test	Hộp 20 test	2.000
2.7	Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương	Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương được sử dụng trên hệ thống để định danh tự động các vi khuẩn Gram dương Tiêu chuẩn chất lượng: CE, FDA	Test	Hộp 20 test	2.000
2.8	Thẻ kháng sinh đồ Gram dương	-Thẻ kháng sinh đồ Gram dương là một xét nghiệm in vitro để xác định tính nhạy cảm của vi khuẩn Gram dương: Staphylococcus spp.,Enterococcus spp., and S. agalactiae '- Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Test	Hộp 20 test	2.000
2.9	Thẻ định danh nấm	-Thẻ định danh nấm sử dụng để định danh tự động hầu hết các nấm hoặc vi sinh vật giống nấm. '- Tiêu chuẩn chất lượng: CE, FDA	Test	Hộp 20 test	2.000
2.10	Thẻ kháng sinh đồ nấm	-Thẻ kháng sinh đồ nấm là thử nghiệm in vitro để xác định tính nhạy cảm của nấm men '- Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Test	Hộp 20 test	200

LÔ 3 - HOÁ CHẤT SỬ DỤNG TRÊN MÁY CẤY MÁU TỰ ĐỘNG (TB2)					
3.1	Chai nuôi cấy máu hiếu khí bằng nhựa chứa hạt Polymeric	Chai cấy máu hiếu khí tự động chứa môi trường được sử dụng cùng với hệ thống phát hiện vi khuẩn trong qui trình để tăng cường phục hồi và phát hiện các vi sinh vật hiếu khí từ máu và các dịch vô khuẩn khác trong cơ thể. Áp dụng kỹ thuật so màu (colormetric measurement), phát hiện sự thay đổi màu của môi trường (Liquid Emulsion Sensor) xảy ra do CO2 tạo ra từ sự phát triển vi sinh vật. - Nguyên lý phát hiện: đo màu bằng cảm ứng màu và ánh sáng phản xạ. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD, FDA	Chai	30ml/chai x 100 chai/thùng	2.000
3.2	Chai nuôi cấy máu kỵ khí bằng nhựa chứa hạt Polymeric	Chai cấy máu kỵ khí tự động chứa môi trường nuôi cấy kỵ khí được sử dụng cùng với hệ thống phát hiện vi khuẩn trong qui trình để tăng cường phục hồi và phát hiện các vi sinh vật kỵ khí từ máu và các dịch vô khuẩn khác trong cơ thể. '-Áp dụng kỹ thuật so màu (colormetric measurement), phát hiện sự thay đổi màu của môi trường (Liquid Emulsion Sensor) xảy ra do CO2 tạo ra từ sự phát triển vi sinh vật. - Nguyên lý phát hiện: đo màu bằng cảm ứng màu và ánh sáng phản xạ. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD, FDA	Chai	40ml/chai x 100 chai/thùng	2.000
3.3	Chai nuôi cấy máu dành cho trẻ dưới 12kg bằng nhựa chứa hạt Polymeric	Chai cấy máu tự động dành cho trẻ dưới 12kg môi trường được sử dụng với hệ thống phát hiện vi sinh vật trong quy trình định tính nhằm tăng khả năng tìm thấy và phát hiện vi sinh vật hiếu khí, kỵ khí tùy tiện (vi khuẩn và nấm) trong máu. (dùng cho bệnh nhân trẻ em) - Áp dụng kỹ thuật so màu (colormetric measurement), phát hiện sự thay đổi màu của môi trường (Liquid Emulsion Sensor) xảy ra do CO2 tạo ra từ sự phát triển vi sinh vật. - Nguyên lý phát hiện: đo màu bằng cảm ứng màu và ánh sáng phản xạ. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD, FDA	Chai	30ml/chai x 100 chai/thùng	1.000
LÔ 4 - HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM NHUỘM GRAM TỰ ĐỘNG					
4.1	Hóa chất nhuộm định hướng vi sinh vật Fuchsin	Fuchsin hoạt động như hóa chất nhuộm ngược. Chỉ vi khuẩn Gram âm nhuộm màu đỏ - hồng. Vi khuẩn Gram dương không bị tẩy màu vẫn giữ màu xanh - đen	Hộp	Hộp 500ml	100
4.2	Hóa chất nhuộm định hướng vi sinh vật Iodine	Iodine ổn định polyvinylpyrrolidone (chất cần màu) xâm nhập vào tế bào vi sinh vật và tạo phức hợp với tím tinh thể. I ốt thừa sẽ được rửa sạch bằng nước cất	Hộp	Hộp 500ml	100
4.3	Hóa chất nhuộm định hướng vi sinh vật Crystal Violet	Crystal Violet là hóa chất tím tinh thể xâm nhập nhanh vào tế bào vi sinh vật và nhuộm tế bào thành màu xanh-đen.	Hộp	Hộp 500ml	100
LÔ 5 - HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM REAL-TIME RT PCR (LAO)					

5,1	Bộ kit xét nghiệm vi khuẩn Lao bằng phương pháp xét nghiệm sinh học phân tử.	Bộ kit xét nghiệm đảm bảo cho việc xét nghiệm dựa trên quy trình khép kín bằng kỹ thuật PCR, bộ hoá chất xét nghiệm MTB dùng để phát hiện tổ hợp 16S rARN của vi khuẩn Lao - MTB. Xử lý đa dạng mẫu có vi khuẩn lao: Đờm, dịch dạ dày, dịch rửa phế quản, dịch màng phổi, dịch màng tim, mô, máu, nước tiểu, phân, dịch phúc mạc...	Test	24 test/hộp	360
LÔ 6 - HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM REAL-TIME PCR (TB2)					
6.1	Thuốc thử xét nghiệm phát hiện đa tác nhân virus gây nhiễm trùng đường tiêu hóa	Phát hiện đồng thời các tác nhân: Norovirus G I, Norovirus G II, Rotavirus, Adenovirus, Astrovirus, Sapovirus Loại mẫu bệnh phẩm: Phân	Test	Hộp 100 test	1.000
6.2	Thuốc thử xét nghiệm phát hiện đa tác nhân vi khuẩn gây nhiễm trùng đường tiêu hóa	Phát hiện đồng thời các tác nhân: Campylobacter spp., Clostridium difficile toxin B, Yersinia enterocolitica, Shigella spp./EIEC, Vibrio spp., Salmonella spp., Aeromonas spp. Loại mẫu bệnh phẩm: Phân	Test	Hộp 100 test	1.000
6.3	Thuốc thử xét nghiệm phát hiện đa tác nhân vi khuẩn gây nhiễm trùng đường tiêu hóa	Phát hiện đồng thời các tác nhân: E. coli O157, STEC (stx 1/2), EPEC (eaeA), Clostridium difficile hypervirulent, ETEC (lt/st), EAEC (aggR) Loại mẫu bệnh phẩm: Phân	Test	Hộp 100 test	1.000
6.4	Thuốc thử xét nghiệm phát hiện đa tác nhân virus gây viêm màng não	Phát hiện đồng thời các tác nhân: Parvovirus B19, Mumps virus, Human parechovirus, AdV, HEV Loại mẫu bệnh phẩm: Dịch não tủy	Test	Hộp 100 test	1.000
6.5	Thuốc thử xét nghiệm phát hiện đa tác nhân vi khuẩn gây viêm màng não	Phát hiện đồng thời các tác nhân: H.influenzae, S.pneumoniae, L. monocytogenes, N. meningitidis, GBS, E.coli K1 Loại mẫu bệnh phẩm: Dịch não tủy	Test	Hộp 100 test	1.000
6.6	Thuốc thử xét nghiệm phát hiện đa tác nhân virus gây viêm màng não	Phát hiện đồng thời các tác nhân: HSV1, VZV, CMV, HHV7, HSV2, EBV, HHV6 Loại mẫu bệnh phẩm: Dịch não tủy	Test	Hộp 100 test	1.000
6.7	Thuốc thử xét nghiệm phát hiện đa tác nhân virus gây nhiễm trùng đường hô hấp	Phát hiện đồng thời các tác nhân: Influenza A virus, Influenza B virus, RSV A, RSV B, Flu A-H1, Flu A-H1 pdm09, Flu A-H3 Loại mẫu bệnh phẩm: Dịch ngoáy tỵ hầu, Dịch hút tỵ hầu, Dịch rửa phế quản	Test	Hộp 100 test	1.000
6.8	Thuốc thử xét nghiệm phát hiện đa tác nhân virus gây nhiễm trùng đường hô hấp	Phát hiện đồng thời các tác nhân: Adenovirus, Enterovirus, MPV, PIV1, PIV2, PIV3, PIV4 Loại mẫu bệnh phẩm: Dịch ngoáy tỵ hầu, Dịch hút tỵ hầu, Dịch rửa phế quản	Test	Hộp 100 test	1.000
6.9	Thuốc thử xét nghiệm phát hiện đa tác nhân virus gây nhiễm trùng đường hô hấp	Phát hiện đồng thời các tác nhân: Bocavirus, Rhinovirus, CoV OC43, CoV NL63, CoV 229E Loại mẫu bệnh phẩm: Dịch ngoáy tỵ hầu, Dịch hút tỵ hầu, Dịch rửa phế quản	Test	Hộp 100 test	1.000
6.10	Thuốc thử xét nghiệm phát hiện đa tác nhân vi khuẩn gây nhiễm trùng đường hô hấp	Phát hiện đồng thời các tác nhân: M.pneumoniae, C.pneumoniae, L.pneumoniae, S.pneumoniae, H.influenzae, B.pertussis, B.parapertussis Loại mẫu bệnh phẩm: Dịch ngoáy tỵ hầu, Dịch hút tỵ hầu, Dịch rửa phế quản , Đờm	Test	Hộp 100 test	1.000

6.11	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh học phân tử phát hiện đa tác nhân vi khuẩn gây nhiễm trùng đường hô hấp	- Bộ kit real-time PCR Phát hiện đồng thời các tác nhân: Bordetella parapertussis (BPP), Bordetella pertussis (BP), Chlamydophila pneumoniae (CP), Haemophilus influenzae (HI), Legionella pneumophila (LP), Mycoplasma pneumoniae (MP), Streptococcus pneumoniae (SP) - Loại mẫu bệnh phẩm: Dịch ngoáy tỵ hầu, Dịch hút tỵ hầu, Dịch rửa phế quản , Đờm	Test	Hộp 100 test	1.000
6.12	Ống PCR 0.1mL dạng đục	- Dải 8 ống 0.1mL cho phản ứng PCR - Không có nắp - Thành mỏng, màu trắng đục - Thích hợp cho các ứng dụng PCR, Real-time PCR - Thể tích tối thiểu: 5µL - Có thể hấp sấy	Chiếc	120 chiếc/ túi	2.000
6.13	Nắp ống PCR 0.1mL	- Nắp cho dải 8 ống PCR 0.1mL tương ứng - Có thể hấp sấy	Chiếc	120 chiếc/ túi	1.000
6.14	Thuốc thử định tính vi khuẩn Lao	Phát hiện Lao và Lao không điển hình: MTB, Mycobacteria Loại mẫu bệnh phẩm: Đờm,Tế bào nuôi cấy, Dịch rửa phế quản, Mô tươi	Test	Hộp 100 test	1.000
6.15	Bộ kit tách chiết axit nucleic dạng ống sử dụng cho máy tách chiết tự động	- Bộ kit tách chiết axit nucleic dạng ống cho máy tách chiết tự động - Mẫu đầu vào: mẫu mô, huyết thanh, huyết tương, dịch ngoáy tỵ hầu, dịch hút tỵ hầu, rửa phế quản phế nang (BAL), nước tiểu, phân, phết trực tràng, đờm, máu toàn phần, phết sinh dục (âm đạo, cổ tử cung, niệu đạo), LBC, dịch não tủy (CSF), nước bọt	Test	Hộp 90 test	1.000